TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 01/2019/DSST
Ngày: 16/7/2019
(V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà :** Ông Đỗ Quang Lịch.

***/ Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Hữu S; bà Đàm Thị Thu T.

***/ Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Bùi Mạnh Q- Cán bộ Toà án.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST – DSST ngày 20/3/2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXX – DSST ngày 03/6/2019 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn H- Sinh năm 1958.
HKTT: Số 251 L, phường A, thành phố H, tỉnh H.
- Có mặt tại phiên Tòa.

*** Bị đơn**: Anh Vũ Khánh T- Sinh năm 1972.
HKTT: Đường H, đội 3, phường A, thành phố H, tỉnh H.
- Vắng mặt tại phiên Tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau: Ông Vũ Văn Hvới Anh Vũ Khánh Tkhông có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là người cùng cơ quan và là người cùng xóm với nhau. Năm 2011 Anh Vũ Khánh Tcó đặt vấn đề với Ông Vũ Văn Hhỏi vay vốn để làm ăn. Vì nể là người cùng cơ quan và là hàng xóm nên ông H đã đồng ý cho anh T vay tiền làm nhiều lần Từ ngày 25/5/2011 anh T vay 1.100.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.000đ/1ngày/1 triệu, quá trình vay anh T cũng chỉ thanh toán được một ít lãi còn số tiền nợ gốc anh T không thanh toán cho một đồng nào. Do vay quá lâu không thanh toán trả, nên ngày 16/01/2017 anh T đã viết giấy nhận nợ Ông Vũ Văn Hvới tổng số tiền là 2.270.000.000 đồng trong đó nợ gốc là 1.100.000.000đ và

nợ lãi là 1.170.290.000đ. Sau đó rất nhiều lần anh T viết giấy hẹn trả nợ số tiền trên nhưng anh T không trả một đồng nào.

Theo các tài liệu, chứng cứ mà Anh Vũ Khánh Txuất trình cho Tòa án ngày 20/5/2019 thì cũng trùng với các tài liệu, chứng cứ ông đang lưu giữ, riêng chứng cứ đề ngày 07/01/2013 ghi đối chiếu với T tính từ ngày 14/01/2011 đến 31/12/2012 đây chỉ là bản nháp tạm tính từ 14/01/2011 đến 31/12/2012 (Bản nháp do ông viết nhưng phần chữ ghi đã trả gốc là 952 triệu đồng là do anh T tự ghi thêm vào và ký tên là giả dối, không đúng vì hiện nay ông đang cầm bản gốc ông sẽ xuất trình cho Tòa án, số tiền 952 triệu này anh T đã trả ông và ký vào sổ của ông là trả tiền lãi chứ không phải là trả tiền gốc) chính hôm ông tính toán, anh T bảo cho em chụp để mang về để vợ em tính, thì ông đồng ý và anh T đã chụp bằng điện thoại sau đó ghi thêm vào như trên ông đã trình bầy. Trong bản nháp này có chỗ ghi số tiền 730 và 800 triệu là tính lãi 2.000đ/triệu/1ngày nhưng thực tế ra sau tạm tính anh T đề nghị tính tất cả là 1.000đ/triệu/ngày và ông đã đồng ý với ý kiến của anh T. Đến ngày 17, 18 tháng 10/2016 ông và anh T mới tính toán và chốt nợ cụ thể mới đúng, cụ thể như sau: Ông H cho anh T vay nhiều lần từ ngày 14/01/2011 đến ngày 07/5/2011 với số tiền 1,1 tỷ đồng (có giấy biên nhận nợ). Trong quá trình cho vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.000đ/1 triệu/1 ngày. Sau đó đến ngày 17/10/2016 ông và anh T có ngồi với nhau để phân tích, thanh toán về gốc và lãi (theo đúng chứng cứ anh T đã giao nộp cho Tòa án). Hai bên đã thanh toán cụ thể: Về lãi thì tổng lãi là 2.192.290.000 đồng, anh T đã trả lãi cho ông được 1.022.000.000 đồng. Nợ lãi còn lại là 1.170.290.000 đồng, nợ gốc là 1,1 tỷ đồng. Tổng cả nợ gốc và nợ lãi là 2.270.290.000 đồng và hai bên đã thống nhất chốt nợ với nhau. Sau khi thanh toán xong thì anh T nói với ông tiếp tục cho anh T vay và ông đã đồng ý, thì anh T đã lập giấy biên nhận vay nợ đề ngày 16/01/2017 do tay Anh Vũ Khánh Tviết và ký xác nhận vay với số tiền 2.270.290.000 đồng và thống nhất trả lãi 1%/tháng đối với tổng số tiền nợ 2.270.290.000 đồng và có hứa với ông là đến ngày 29/12/2017 âm lịch sẽ trả trước cho ông 500 triệu đồng. Như vậy, tính từ ngày 14/01/2011 đến ngày 16/01/2017 là hai bên đã thỏa thuận thanh toán với nhau xong và lại tiếp tục cho anh T vay từ 16/01/2017 cho đến nay tổng số tiền 2.270.290.000 đồng với lãi suất 1%. Anh T đã nhiều lần viết giấy khất nợ, cụ thể là vào ngày 03/7/2017 hứa đến ngày 15/7/2017 trả trước cho ông 500 triệu đồng nhưng không trả và ngày 06/10/2017 anh T lại viết giấy khất nợ ông với số tiền 2.270.290.000 đồng, hẹn đến ngày 14/10/2017 sẽ trả trước cho ông 500 triệu đồng nhưng cũng không trả. Từ đó nhiều lần ông đến đòi anh T nhưng anh T cứ lẩn trốn không chịu trả. Anh T khi hỏi vay tiền ông nói là vay để làm ăn và ông giao tiền cho anh T, còn về anh T có nói cho vợ biết hay không thì ông không biết,nhưng cũng có lần vợ anh T là chị Hcó đến trả tiền lãi cho ông thay anh T. Nay ông chỉ biết anh T vay, thì anh T phải trả theo như đúng thỏa thuận, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc Anh Vũ Khánh Tphải thanh toán trả cho ông số tiền nợ là 2.270.000.000 đồng và lãi suất 1% theo thỏa thuận trong giấy nhận nợ, tính từ ngày 16/01/2017 cho đến khi giải

quyết xong vụ án trên. Nhưng sau đó ông H xin rút một phần yêu cầu là yêu cầu anh T phải trả ông số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 16/01/2017, đến ngày xét xử sơ thẩm theo đúng như lãi suất mà anh T đã ghi trong giấy vay nợ mà anh T đã viết và buộc anh T phải trả ông số tiền lãi 1.170.290.000 đồng từ trước chưa trả, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này, vì lý do đây là số tiền lãi mà anh T còn nợ ông trước đó.

- Bị đơn Anh Vũ Khánh Ttrình bầy: Anh với ông H là người cùng cơ quan với nhau. Năm 2011 do vợ chồng anh có nhu cầu cần vốn làm ăn, nên anh có đặt vấn đề vay ông H làm nhiều lần với tổng số tiền 1.080.000.000đ. Trong quá trình vay anh đã thanh toán trả được tiền gốc là 1.100.000.000đ, số gốc còn nợ lại là 50.000.000đ (Anh T sẽ xuất trình tờ diễn giải cụ thể sau). Còn tiền lãi thì chưa thanh toán được cho ông H. Nay ông H khởi kiện để đòi anh số tiền 2.270.000.000đ thì anh không nhất trí, mặc dù ngày 16/01/2017 anh có ghi giấy nhận nợ, nhưng do ông H bảo đã cộng rồi nên anh đã ký nhận nợ. Thực tế anh chỉ còn nợ ông H số tiền lãi khoảng 200.000.000đ – 300.000.000đ. Vậy anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, vợ chồng anh xin trả dần ông H số tiền nợ lãi nêu trên. Anh T thay đổi lời khai và khẳng định lại là việc vay mượn tiền của ông H chỉ mình anh đứng lên vay riêng ông H chứ vợ anh không vay mượn gì của ông H. Do đó, vợ anh không có liên quan gì đến việc vay mượn tiền của ông H. Anh T trình bầy về việc ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, lãi suất là 1% tính từ ngày 16/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và buộc anh phải trả 1.170.290.000 đồng tiền lãi chưa trả thì quan điểm của anh không nhất trí. Vì thực tế số tiền nợ gốc của anh nợ ông H đã trả gần như là hết, chỉ còn vài trăm triệu tiền lãi chứ không phải số tiền lãi 1.170.290.000 đồng như ông H yêu cầu. Nếu ông H thiện chí và tính đúng số lãi thực tế, thì anh sẽ chấp nhận và xin trả dần ông H. Hiện anh đã xuất trình cho tòa án thì anh chỉ còn nợ số tiền lãi của ông H khoảng 200 - 300 triệu đồng thôi. Anh có xuất trình chứng cứ bản phô tô đề ngày 07/01/2013 nội dung "Đối chiếu với T tính từ ngày 14/01 – 31/12/2012" trong đó ghi đối trừ nợ lãi đến ngày 31/12/2012 là 1.130.120.000đ – 952.000.000đ đã trả lãi đến ngày 31/12/2012 = còn nợ riêng lãi 178.120.000đ.

Ông H khẳng định là T bộ chữ trong chứng cứ mà anh T xuất trình này là do ông viết, nhưng bên cạnh ghi đã trả gốc là 952 triệu là chữ do anh T viết thêm vào, đây là số tiền lãi chứ không phải là tiền gốc. Bản gốc hiện ông đã xuất trình cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án.

Chị Nguyễn Thị HTòa án đã triệu tập nhiều lần và đã đến nơi chị Hcông tác để lấy lời khai xem có liên quan đến việc vay nợ không, nhưng chị Hkhông khai báo vì lý do không liên quan, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của chị Hđược.

Tại phiên toà hôm nay: Ông H yêu cầu buộc Anh Vũ Khánh Tphải thanh toán trả cho ông số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và lãi suất 1% theo thỏa thuận trong giấy nhận nợ, tính từ ngày 16/01/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án và tiền lãi

trước đó chưa trả là 1.170.290.000 đồng. Ông cho rằng tiền lãi theo thỏa thuận 1.000đ/1 triệu/1 ngày từ trước giữa ông với anh T là không cao so với quy định của pháp luật, vậy ông đề nghị Tòa án xem xét nếu cao hơn thì tính lãi theo quy định của pháp luật ông không có gì thắc mắc, còn lại số tiền lãi mà không được chấp nhận ông sẽ cùng anh T thỏa thuận với nhau sau.

- Bị đơn anh T vắng mặt lần 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng và của pháp luật. Bị đơn anh T còn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt lần 2 không có lý do nên áp dụng điều 227 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung giải quyết vụ án:

TAND thành phố H đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của BLTTDS.

Căn cứ vào các Điều 26; 147, Điều 227 của BLTTDS năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án; Điều 9 nghị quyết ssoos 01/2019/HĐTPTANDTC ngày 11/0/2019 cuat Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lãi suất.

Đề nghị HĐXX xử: Buộc Anh Vũ Khánh Tphải trả cho Ông Vũ Văn H404.743.174 đồng tiền gốc, 224.601.247 đồng tiền lãi, tính đến ngày 16/7/2019. Tổng cả hai khoản là 629.344.421 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Ông Vũ Văn Hcó đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu Anh Vũ Khánh T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc anh T phải trả số tiền lãi tính đến ngày 16/01/2017 tổng số là 1.170.000.000đ.

- Về án phí: Buộc Anh Vũ Khánh Tphải chịu 29.173.776 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên do ông H là người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn T bộ phần án phí này cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn Hvà Anh Vũ Khánh Tđều có hộ khẩu thường trú tại phường A, TP H, tỉnh H, nên Tòa án

nhân dân thành phố H đã thụ lý và xác định quan hệ pháp luật cũng như giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 14 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu của ông Vũ Văn H: Căn cứ vào lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: Từ ngày 14/01/2011 đến ngày 17/01/2011 Ông Vũ Văn Hđã cho Anh Vũ Khánh Tvay 200.000.000đ với lãi suất là 1.000đ/1 triệu /1 ngày, lãi của khoản này là 600.000đ. Từ ngày 18/01/2011 đến ngày 24/5/2011 ông H cho anh T vay số tiền gốc là 300.000.000đ với lãi suất là 1.000đ/1 ngày/ 1 triệu, lãi của khoản này là 37.500.000đ. Từ ngày 25/5/2011 đến ngày 27/5/2011 ông H cho anh T vay số tiền gốc là 1.030.000.000đ với lãi suất là 1.000đ/1ngày/ 1 triệu, lãi của khoản này là 3.090.000đ. Từ ngày 28/5/2011 đến ngày 17/10/2016 ông H cho anh T vay số tiền gốc là 1.100.000.000đ với lãi suất là 1.000đ/1ngày/1 triệu, lãi của khoản này là 2.151.100.000đ. Tổng số tiền gốc anh T vay của ông H là 1.100.000.000đ, số lãi phát sinh đến ngày 17/10/2016 là 2.192.290.000đ. Trong Quá trình đó anh T đã trả cho ông H số Tiền lãi là tiền mua xe máy 54.000.000đ, ngày 21/3/2011 trả 20.000.000đ, ngày 10/02/2011 trả 98.000.000đ, ngày 04/01/2012 trả 90.000.000đ, ngày 10/01/2012 trả 100.000.000đ , ngày 28/02/2012 trả 5.000.000đ, ngày 26/7/2012 trả 195.000.000đ, ngày 18/9/2012 trả 200.000.000đ, ngày 10/12/2012 trả 190.000.000đ, ngày 16/8/2013 trả 20.000.000đ, ngày 16/02/2015 trả 50.000.000đ. Tổng số anh T đã trả lãi cho ông H là 1.022.000.000đ. Từ ngày 16/01/2016 anh T không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ông H, nên ngày 16/01/2017 ông H và anh T đã thống nhất chốt nợ là anh T còn nợ ông H tổng số tiền là 2.270.000.000đ. Trong đó Ông Vũ Văn Hxác định anh T còn nợ gốc là 1.100.000.000đ và lãi là 1.170.000.000đ. Ông H đề nghị Tòa án buộc Anh Vũ Khánh Ttrả lại 1.100.000.000đ tiền gốc và lãi suất là 1%/ tháng theo thỏa thuận tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và buộc anh T phải trả 1.170.000.000đ tiền lãi chưa trả.

Về phía anh T không đồng ý với yêu cầu của ông H, anh T cho rằng thực tế anh chỉ còn nợ ông H số tiền lãi khoảng 200 – 300 triệu đồng, nhưng anh không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Trong các giấy nhận nợ ngày 16/01/2017, ngày 06/10/2017 anh T đều ký nhận nợ ông H số tiền là 2.270.000.000đ, nên có căn cứ xác định tính từ ngày 16/01/2017 anh T còn nợ ông H số tiền gốc là 1.100.000.000đ và tiền lãi là 1.170.000.000đ.

Việc vay nợ giữa hai bên thể hiện bằng hình thức viết giấy vay nhận nợ, hai bên không thỏa thuận về thời gian trả nợ đây thuộc trường hợp vay không kỳ hạn. Hai bên có thỏa thuận về lãi suất là 1.000đ/1 triệu/1 ngày. Anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H bất cứ khi nào ông H đòi, nhưng ông H phải báo trước cho anh T ít nhất là 02 ngày trước khi đòi.

Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận 1.000đ/1 triệu/1 ngày mức lãi suất này tương đương với lãi suất tương ứng là 3%/1 tháng là mức lãi suất vượt quá mức lãi

suất tối đa quy định tại điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005(Mức tối đa quy định tính từ thời điểm năm 2011 lãi đến ngày 15/01/2017 là 150% x 9 = 13,5% = 0,00037%/1 ngày. Phần lãi suất theo thỏa thuận của các đương sự vượt qúa so với quy định của pháp luật sẽ không có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền lãi anh T đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì căn cứ vào điều 9 nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi anh T đã trả vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.

Căn cứ vào mức lãi suất quy định tại điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điều 9 Nghị quyết số 01 năm 2019 thì số tiền lãi mà anh T phải trả cho ông H và số tiền lãi anh T đã trả vượt mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền gốc tại thời điểm trả lãi tính đến ngày 15/01/2017 cụ thể như sau:

+ Từ ngày 14/01/2011 đến ngày 17/01/2011 (03 ngày), tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi theo pháp luật là 200.000.0000đ x 0,00037 x 3 ngày = 222.000đ.

+Từ ngày 18/01/2011 đến ngày 21/3/2011 (63 ngày), tiền nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi theo pháp luật là: 300.000.000 x 0,00037 x 63 ngày = 6.993.000 đ, tiền lãi thực tế đã trả là: 2.0.000.000 đ (tiền lãi đã trả vượt quá là: 20.000.000đ-6.993.000đ – 222.000đ= 12.785.000đ, tiền gốc tính đến ngày 21/3/2011 là: 300.000.000đ – 12.785 = 287.215.000 đồng.

+ Từ ngày 22/3/2011 đến ngày 24/5/2011 (34 ngày), tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 287.215.000đ x 0,00037x34 ngày = 3.613.164 đồng.

+ Từ ngày 25/5/2011 đến ngày 27/5/2011 (03 ngày), tiền nợ gốc là: 1.017.215.000 đồng, tiền lãi theo quy định là: 1.017.215.000đ x 03 ngày x 0,00037 = 1.129.108 đ.

+ Từ ngày 28/5/2011 đến ngày 10/12/2011 (199 ngày), tiền nợ gốc là: 1.087.215.000đ, lãi theo quy định là: 1.087.215.000đ x 199 ngày x 0,00037 = 80.051.640 đồng, lãi đã trả là: 98.000.000 đồng, lãi đã trả vượt quá là: 98.000.000 đ - 80.051.640đ – 1.129.108 đ – 3.613.164 đ = 13.206.088 đ.

Tiền gốc tính đến ngày 10/12/2011 còn lại là 1.087.215.000đ – 13.206.088 đ tiền lãi trả vượt quá = 1.074.008.912 đ.

+ Từ ngày 11/11/2011 đến ngày 04/01/2012 (25 ngày), lãi theo pháp luật là: 1.074.008.912 đ x 25 ngày x 0,00037 = 9.934.582đ, lãi đã trả là: 90.000.000 đ, lãi đã trả vượt quá là: 90.000.000 đ - 9.934.582đ = 80.065.418 đ, tiền gốc còn lại là: 1.074.008.912 đ - 80.065.418 đ = 993.943.494 đ.

+ Từ ngày 05/01/2012 đến 10/01/2012 (06 ngày), lãi theo quy định là: 993.943.494 đ x 6 ngày x 0,00037 = 2.206.554 đ, lãi đã trả là: 100.000.000 đ, lãi đã trả vượt quá là: 100.000.000 đ - 2.206.554 đ = 97.793.446 đ, tiền gốc còn lại sau khi

trừ tiền lãi trả vượt quá tính đến ngày 10/01/2012 là: 993.943.494 đ - 97.793.446 đ = 896.150.048 đ.

+ Từ ngày 11/01/2012 đến 28/02/2012 (49 ngày), tiền lãi theo quy định là: 896.150.048 đ x 49 ngày x 0,00037 = 16.247.200 đ, tiền lãi đã trả là 5.000.000 đ, tiền gốc còn lại 896.150.048 đ; tiền lãi chưa trả là 11.247.200đ.

+ Từ ngày 29/02/2012 đến 26/7/2012 (149 ngày), tiền lãi theo pháp luật là: 896.150.048 đ x 149 ngày x 0,00037 = 49.404.752 đ, tiền lãi đã trả là: 195.000.000đ, tiền lãi trả vượt quá là: 195.000.000đ - 49.404.752 đ - 11.247.200đ = 134.348.048 đ, số tiền gốc còn lại tính đến ngày 26/7/2012 là: 896.150.048 đ - 134.348.048 đ tiền lãi trả vượt quá = 761.802.000đ.

+ Từ ngày 27/7/2012 đến ngày 18/9/2012 (54 ngày), lãi theo pháp luật là: 761.802.000đ x 54 ngày x 0,00037 = 15.220.804 đ, lãi đã trả là 200.000.000 đ, lãi đã trả vượt quá là: 200.000.000 đ -15.220.804 đ = 184.779.196 đ, số tiền gốc còn lại tính đến ngày 18/9/2012 là 761.802.000đ - 184.779.196 đ = 577.022.804 đ.

+ Từ ngày 19/9/2012 đến ngày 10/12/2012 (83 ngày), lãi theo pháp luật là 577.022.804 đ x 83 ngày x 0,00037 = 17.720.370 đ, lãi đã trả là 190.000.000 đ, lãi trả vượt quá là 190.000.000 đ - 17.720.370 đ = 172.279.630 đ, gốc còn lại tính đến ngày 10/12/2012 là: 577.022.804 đ - 172.279.630 đ = 404.743.174 đ.

+ Từ ngày 11/12/2012 đến ngày 16/8/2013 (249 ngày), lãi theo pháp luật là 404.743.174 đ x 249 ngày x 0,00037 = 37.288.988 đ, lãi đã trả là: 20.000.000 đ, gốc còn lại là 404.743.174 đ; nợ lãi còn lại là 17.288.988 đ.

+ Từ ngày 17/8/2013 đến 16/02/2015 (569 ngày), lãi theo pháp luật là 404.743.174 đ x 569 ngày x 0,00037 = 85.210.580 đ, lãi đã trả là 50.000.000 đ, gốc còn lại 404.743.174 đ ; nợ lãi còn lại là 85.210.580 đ + 17.288.988 đ – 50.000.000 đ = 52.499.568 đ.

+ Từ ngày 17/02/2015 đến 15/01/2017 (699 ngày), lãi theo pháp luật là 404.743.174 đ x 699 ngày x 0,00037 = 104.678.727 đ, tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/01/2017 còn nợ lại là 404.743.174đ; nợ lãi 104.678.727 đ + 52.499.568 đ = 157.178.295 đ.

Anh T và ông H đã thống nhất được số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc anh T phải trả cho ông H tính từ ngày 16/01/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1%/1 tháng của số tiền gốc. Như vậy lãi suất theo thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận. Do đó tính lãi từ ngày 16/01/2017 đến 16/7/2019 (30 tháng), lãi theo pháp luật là 404.743.174 đ x 30 tháng x 1% = 121.422.952 đ, gốc tính đến ngày 16/7/2019 là 404.743.174 đ; nợ lãi 121.422.952 đ + 157.178.295 đ – 54.000.000đ tiền mua xe máy = 224.601.247 đ.

Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 16/7/2019 là : 629.344.421 đồng, trong đó nợ gốc: 404.743.174 đồng, nợ lãi là 224.601.247 đồng.

Từ những nhận định và phân tích ở trên đã có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc Anh Vũ Khánh Tphải trả cho Ông Vũ Văn Htiền gốc là 404.743.174 đồng và tiền nợ lãi là 224.601.247 đồng , tổng hai khoản là 629.344.421 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Ông Vũ Văn Hcó đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu Anh Vũ Khánh Tchậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H buộc anh T phải trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ – 404.743.174 đ = 695.256.826 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/01/2017 do hai bên thỏa thuận là 1.170.000.000đ vì các đương sự thỏa thuận lãi vượt quá quy định của pháp luật và tiền lãi đã trả vượt quá được trừ vào tiền nợ gốc.

Anh T cho rằng đã trả Ông H 952 triệu đồng tiền gốc rồi có ghi trong bản chứng cứ mà anh xuất trình. Nhưng qua xem xét chứng cứ của anh T xuất trình (Bản phố tô cóp py) và bản gốc của ông H xuất trình do ông H viết rất rõ ràng " Đã trả lãi đến ngày 31/12/2012 là 952.000.000đ ". Ông H khẳng định là T bộ chữ trong chứng cứ mà anh T xuất trình này là do ông viết, nhưng bên cạnh ghi đã trả gốc là 952 triệu là chữ do anh T viết thêm vào. Như vậy có cơ sở khẳng định đây là số tiền lãi chứ không phải là tiền gốc. Bản gốc hiện ông đã xuất trình cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án. Nên có cơ sở khẳng định chính anh T đã viết thêm vào để nhằm mục đích không trả nợ gốc cho ông H. Do đó yêu cầu này của Anh Vũ Khánh Tlà không thể chấp nhận được (BL 41 và 48).

Về án phí: Buộc Anh Vũ Khánh Tphải chịu án phí sơ thẩm dân sự như sau: 629.344.421 đồng (400.000.000đ = 20.000.000đ) + (229.344.421 đ x 4%) = 29.173.776 đ.

Ông H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên do ông H là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm tiền án phí có xác nhận của UBND phường A, TP H, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn T bộ phần án phí này cho ông H.

- Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 26, Điều 147, Điều 227 – BLTTDS; Điều 471, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; điều 9 Nghị quyết số: 01/2019/HĐTP, ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Anh Vũ Khánh Tphải trả cho Ông Vũ Văn Htổng số tiền là: 629.344.421 đồng, trong đó nợ gốc: 404.743.174 đồng, nợ lãi là 224.601.247 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Ông Vũ Văn Hcó đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu Anh Vũ Khánh Tchậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc anh T phải trả số tiền nợ gốc 695.256.826 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/01/2017 do hai bên thỏa thuận là 1.170.000.000đ.

- Về án phí: Buộc anh Vũ Văn T phải chịu 29.173.776 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn T bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận cho ông Vũ Văn H.

Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho nguyên đơn Ông Vũ Văn Hcó mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Anh Vũ Khánh Tvắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố H.*
- *Chi cục THADS T.P H.*
- *Phòng kiểm tra và thi hành án TAND tỉnh H.,*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*